



# Bài báo nghiên cứu TIẾP CẬN MÔ HÌNH CIPO ĐỂ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC ĐÔNG NAM BỘ

**Khuất Hữu Anh Tuyền, Nguyễn Sỹ Thu\***

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Sỹ Thu – Email: [nsthu58@gmail.com](mailto:nsthu58@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 30-9-2024; ngày nhận bài sửa: 28-10-2024; ngày duyệt đăng: 13-11-2024*

## TÓM TẮT

*Đông Nam Bộ (ĐNB) là nơi có nhiều cơ sở đào tạo Phật học, trong đó nhiều nhất là các trường trung cấp Phật học (TCPH). Chất lượng đào tạo ở các trường TCPH ĐNB cần được khảo sát, đánh giá để làm cơ sở thực tiễn cho đề xuất biện pháp quản lý đào tạo ở các trường này. Bài báo tiếp cận mô hình CIPO để đánh giá thực trạng đào tạo của các trường TCPH ĐNB theo các yếu tố: Hoạt động đầu vào, hoạt động quá trình đào tạo, hoạt động đầu ra, nhận thức về sự tác động của bối cảnh. Kết quả nghiên cứu đưa ra một cái nhìn toàn cảnh về đặc điểm và chất lượng đào tạo ở các trường TCPH ĐNB.*

**Từ khóa:** mô hình CIPO; thực trạng đào tạo; trường trung cấp Phật học; Phật giáo Đông Nam Bộ

## 1. Mở đầu

Hiện nay, ở Việt Nam có 35 trường TCPH trải đều trên cả nước để thực hiện sứ mệnh đào tạo các tăng ni có trình độ Phật học và thế học đủ khả năng gánh vác trách nhiệm của Giáo hội. Mục tiêu đào tạo ở các trường Phật học là đào tạo tăng ni sinh trở thành những tu sĩ Phật giáo chân chính, chuyên cần học để tu, để hoằng pháp và giúp đời; học để trau dồi đạo đức và trí tuệ, để thuận lợi hơn trên con đường tiến đến giải thoát tối hậu. Để đáp ứng mục tiêu này, các trường TCPH đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu để không ngừng hoàn thiện và nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, trong quản lý đào tạo (QLĐT), các trường TCPH vẫn còn dựa vào kinh nghiệm, mang tính tự phát, chưa dựa trên nền tảng vững chắc của lý luận về khoa học quản lý (QL) nhà trường, cũng như những luận cứ, luận chứng khoa học được nghiên cứu, phân tích từ thực tiễn và đúc kết thành các lý thuyết quan trọng. Điều này khiến cho hoạt động QLĐT nói chung, đào tạo TNS ở các trường TCPH nói riêng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế liên quan đến các yếu tố của quá trình đào tạo: Đầu vào – Quá trình – Đầu ra trong sự tác động của Bối cảnh. Trong xu thế phát triển nói chung, đổi mới

---

**Cite this article as:** Khuat Huu Anh Tuyen, & Nguyen Sy Thu (2024). Approaching the cipo model to evaluate the current state of training at the Buddhist intermediate schools in the Southeast region. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(11), 1958-1968.

căn bản – toàn diện Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) nói riêng, cùng với yêu cầu chất lượng đào tạo tăng ni sinh (TNS) ở các trường TCPH ngày càng cao, đòi hỏi công tác QLĐT của các trường TCPH phải xuất phát từ cơ sở thực tiễn, dựa trên lí luận để đề xuất giải pháp QL phù hợp với điều kiện phát triển của nhà trường và xu thế phát triển của GD&ĐT. Vận dụng mô hình CIPO để làm phương pháp tiếp cận nghiên cứu về thực trạng đào tạo ở các trường TCPH ĐNB, bài viết cung cấp một cách nhận diện chất lượng của hoạt động đào tạo ở các trường TCPH ĐNB để thấy được bức tranh tổng thể về đào tạo TNS ở các trường này.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Hoạt động đào tạo của trường trung cấp Phật học**

#### **2.1.1. Khái quát về đào tạo ở trường TCPH**

Với tư cách là tổ chức Phật giáo toàn quốc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được hình thành từ giữa thế kỉ XX với những tên gọi khác nhau. Từ khi GHPGVN được thành lập năm 1981, giáo dục (GD) Phật giáo (PG) toàn quốc lại được thống nhất. Kế thừa kinh nghiệm và truyền thống PG Việt Nam trước đây, GHPGVN đã từng bước xây dựng hệ thống GD&ĐT PG (từ sơ cấp, trung cấp, cao cấp Phật học, sau này là học viện cấp đại học, cao học và đào tạo Tiến sĩ Phật học) ngày càng hoàn bị, đáp ứng nhu cầu học tập của TNS và cư sĩ Phật tử. Cho đến nay, theo thống kê của Ban GD Phật giáo Trung ương năm 2022, hệ thống GD cơ sở của GHPGVN hiện gồm 50 lớp sơ cấp đào tạo hơn 3700 TNS và 36 trường TCPH trên toàn quốc, đào tạo hơn 9000 TNS, cung cấp nguồn học viên dồi dào cho bậc học cử nhân trong hệ thống giáo dục Phật giáo (Thích Minh Nhan, 2023). Riêng đối với các cơ sở đào tạo Phật học trình độ trung cấp ở ĐNB, đội ngũ CBQL gồm 18 người, đội ngũ giảng sư (GS) 215 người, đang đào tạo 1736 TNS. Hệ TCPH vừa là sự nâng cao so với sơ cấp nhưng đồng thời cũng là sự chuẩn bị hành trang và những tri thức căn bản nhất có tính nền tảng cho các hệ đào tạo tiếp theo ở bậc cao đẳng, đại học và sau đại học (Thích Tri Nhu, 2021).

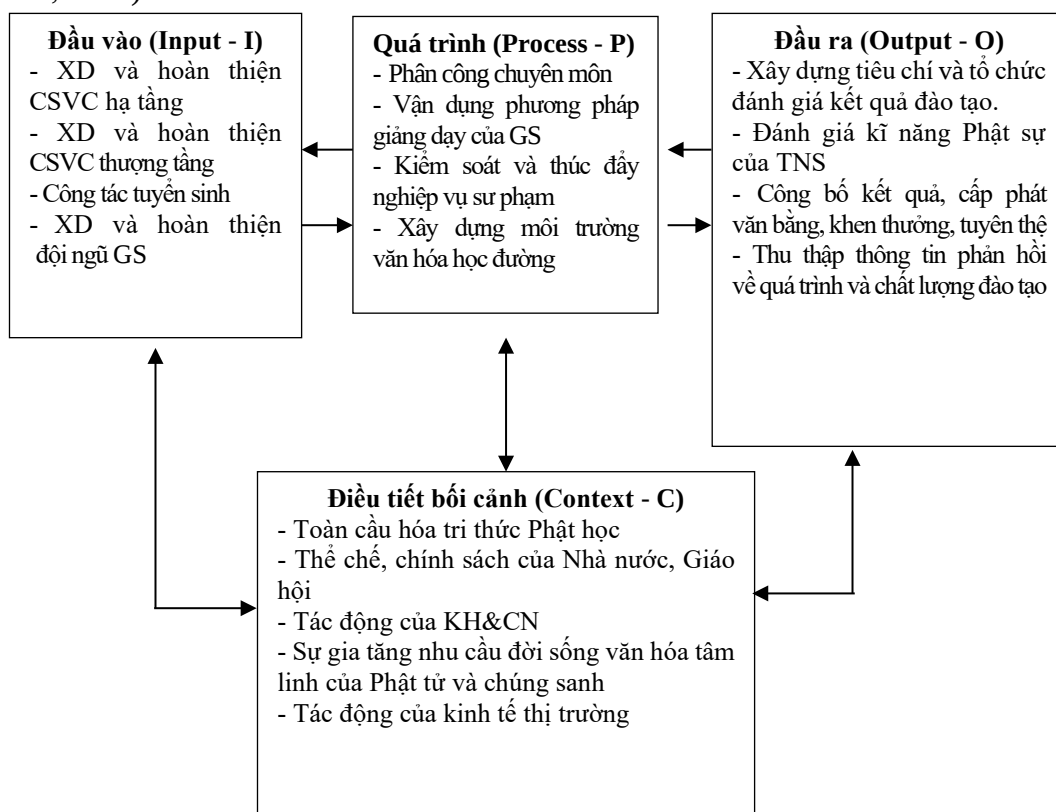
Trước năm 1981, do chưa có quy định cụ thể và thống nhất đối với cấp học TCPH nên thời gian đào tạo ở các Trường TCPH có khác nhau. Có địa phương cấp học TCPH kéo dài 7 năm, chia làm 2 hệ: Hệ TCPH I, kéo dài 4 năm và hệ TCPH II kéo dài 3 năm. Có địa phương chia cấp học TCPH làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn kéo dài 3 năm. Hiện nay, theo quy định của Ban GD tăng ni Trung ương, cấp học TCPH đào tạo trong 4 năm. Chương trình, nội dung, giáo trình... do trường TCPH biên soạn trên cơ sở hướng dẫn của Ban Trị sự Phật giáo và Ban GD tăng ni Trung ương với các bộ môn Kinh, Luật, Luận, Sử học và Văn học Phật giáo... Chương trình học của hệ TCPH gồm hai phần nội điển và ngoại điển. Nội điển là phần cung cấp kiến thức về giáo lí của đạo Phật qua kinh, luận, luật. Ngoại điển là những phần kiến thức xã hội bổ trợ như: văn học, lịch sử, triết học, xã hội học, ngoại ngữ... Đội ngũ GS chủ yếu do trường TCPH đề nghị và được sự hỗ trợ từ Ban Trị sự PG ở địa phương và Ban Hoằng pháp Trung ương.

Ngoài thực giảng các môn học khác nhau trên lớp, trường TCPH còn tổ chức những

buổi học ngoại khóa với nhiều đề tài khác nhau, mời những giáo sư, GS nổi tiếng đến giảng chuyên đề cho TNS vào mỗi học kỳ, và mở lớp bổ túc văn hóa từ lớp 10-12 để cho những TNS nào chưa tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học. Trong quá trình học tập tại trường TCPH, các TNS phải đồng thời học các môn bổ túc văn hóa theo chương trình của Bộ GD&ĐT ban hành nếu chưa hoàn thành trình độ văn hóa theo yêu cầu. TNS tốt nghiệp TCPH được cấp văn bằng chứng chỉ của Trường và đủ điều kiện để học tiếp lên các trình độ Phật học cao hơn.

### 2.1.2. Hoạt động đào tạo ở trường TCPH theo mô hình CIPO

CIPO là mô hình hệ thống cơ bản về hoạt động của trường học, có thể được áp dụng cho nhiều cấp độ trong GD, cụ thể là cấp hệ thống, cấp trường và cấp lớp học (Scheerens, 2015). Mô hình này cũng có chức năng như một khung phân tích để đánh giá chất lượng GD (Cuyvers, 2002).



**Hình 1. Mô hình CIPO trong đào tạo ở trường trung cấp Phật học**

- Bối cảnh (Context): Hội nhập quốc tế về GD&ĐT Phật học (sự giao lưu văn hóa và GD Phật học ngày càng lan tỏa ra nhiều quốc gia trên thế giới, sự ảnh hưởng hoặc tác động qua lại của các giáo phái như Đại thừa, Tiểu thừa, Thiền tông, Tịnh độ tông... về giáo lý); các văn bản luật về tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14); sự phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (những thành tựu của nó được ứng dụng trong GD và sự ảnh hưởng đến các hoạt động tôn giáo); sự phát triển nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của Phật tử và chúng sanh (sự gia tăng các lễ hội văn hóa,

trong đó các lễ hội PG ngày càng nhiều đòi hỏi sự tham gia đông đảo của phật tử và tăng ni); sự thiếu hiểu biết về triết lý PG của phật tử và tác động của mặt trái kinh tế thị trường tạo ra sự lợi dụng PG vào các hoạt động tín ngưỡng, trục lợi.

- Đầu vào (Input): Cơ sở vật chất hạ tầng (phòng học, thư viện, niệm Phật đường, thiết bị nghe nhìn, khuôn viên học đường); cơ sở vật chất thượng tầng (chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu học tập, tài nguyên học liệu trực tuyến); tăng ni sinh (trình độ Phật học, độ tuổi, giới tính), đội ngũ GS (số lượng, trình độ giảng dạy và Phật học, nghiệp vụ sư phạm).

- Quá trình (Process): Phân công chuyên môn hợp lý (dựa trên năng lực, sở trường, nguyện vọng để phân công); đa dạng phương pháp GD (phương pháp thuyết giảng dựa trên năng lực người học, phương pháp lấy TNS làm trung tâm, phương pháp tương tác, phương pháp trải nghiệm) và thúc đẩy vai trò của GS và TNS (GS với vai trò giảng bài, hướng dẫn, tổ chức; TNS với vai trò tiếp nhận, đọc tài liệu, ghi chép, luyện tập, lập kế hoạch học tập, thảo luận, thuyết trình, thực tập ở các chùa trên địa bàn, viết báo cáo); môi trường văn hóa học đường luôn được cải thiện (giữ nghiêm giới luật, lan tỏa triết lý PG, noi gương và làm theo lời Phật dạy, nề nếp và kỉ luật, thân thiện cởi mở và tôn trọng lẫn nhau, tích cực chủ động và sáng tạo, thúc đẩy văn hóa học tập và cộng đồng chất lượng, tuân thủ quy chế, khuyến khích và động viên, sáng tạo và nêu gương).

- Đầu ra (Output): Xây dựng tiêu chí đánh giá và chuẩn đầu ra; đánh giá kết quả đào tạo của TNS theo hướng phát triển năng lực và phẩm hạnh (đánh giá tri thức Phật học, đánh giá kĩ năng và tri thức XH, đánh giá kĩ năng CNTT, đánh giá kĩ năng ngôn ngữ); đánh giá kĩ năng Phật sự (giảng kinh, điều hành trong một cơ sở tôn giáo, ngoại giao và chăm sóc phật tử, giác ngộ chúng sanh); thu thập thông tin phản hồi về kết quả đào tạo (phản ánh của TNS, phản ánh của Ban trị sự PG địa phương, phản ánh từ phía phật tử). Kết quả của đầu ra (Outcomes) chính là TNS có đủ năng lực để đảm nhiệm trụ trì một ngôi chùa nào đó.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.2.1. Công cụ khảo sát**

Để xác định thực trạng hoạt động đào tạo ở các trường TCPH ĐNB, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bộ công cụ là bảng hỏi dựa trên lý thuyết về ứng dụng mô hình CIPO trong đào tạo: hoạt động đầu vào – hoạt động quá trình – hoạt động đầu ra và nhận thức về sự tác động của bối cảnh đến đào tạo ở trường TCPH. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Các thành phần chính của bảng hỏi bao gồm: (1) thực trạng về hoạt động đầu vào, có 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 biến quan sát; (2) thực trạng về hoạt động quá trình, có 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 biến quan sát; (3) thực trạng về hoạt động đầu ra, có 05 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 biến quan sát; (4) thực trạng nhận thức về tác động của bối cảnh, có 05 biến quan sát.

### **2.2.2. Chọn mẫu khảo sát**

Đông Nam Bộ không chỉ là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Tổ quốc mà còn là nơi giáo dục Phật giáo (GDPG) phát triển mạnh so với các vùng miền khác trên cả nước.

Phần lớn các tỉnh, thành ở ĐNB đều có trường TCPH; riêng tỉnh Bình Phước đã thành lập Ban GDPG (06/11/2022) chuẩn bị cho việc thành lập lớp bồi dưỡng Sơ cấp Phật học cho các Phật tử trên địa bàn các huyện, xúc tiến thành lập Trường TCPH tỉnh Bình Phước (Vu Giang, 2022). Tại thời điểm năm 2024, các trường TCPH ở ĐNB với đội ngũ CBQL 18 người, đội ngũ GS 215 người, đang đào tạo 1736 TNS. Đây là cơ sở thực tiễn để nhóm nghiên cứu tiến hành chọn mẫu khảo sát.

+ Với đối tượng là CBQL và quản chúng, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn tất cả: gồm 05 hiệu trưởng của 5 trường và 13 phó hiệu trưởng, 30 quản chúng tăng và ni. Tổng cộng = 48 chư vị.

+ Với đối tượng là GS và TNS, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn xác suất bằng công thức tính của Yamane Taro  $n = \frac{N}{1+N(e)^2}$ . Trong đó n là số lượng mẫu tối thiểu, N là tổng số TNS hiện có tại 5 trường khảo sát, e là sai số cho phép được tính là 0.1 (10%) với độ tin cậy là 95%, p = 0.5. Từ công thức tính này, chúng tôi tính số lượng mẫu tối thiểu cần điều tra là:

$$* \text{ GS của 05 trường THPH ĐNB: } n = \frac{N}{1+N(e)^2} = \frac{215}{1+215(0,05)^2} = 140$$

$$* \text{ TNS của 05 trường THPH ĐNB: } n = \frac{N}{1+N(e)^2} = \frac{1736}{1+1736(0,05)^2} = 325$$

### 2.2.3. Thang đo

Nhóm tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ của Rensis Likert (1932) với 5 cấp độ trong bảng khảo sát: (1) kém/không tác động; (2) yếu/ít tác động; (3) trung bình/tác động bình thường; (4) khá/tác động khá mạnh; (5) tốt/tác động mạnh (Likert, 1932). Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS, Version 26.0 để đánh giá mức độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và Phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm xác định nhân tố thích hợp hoặc không thích hợp dựa vào giá trị KMO. Các biến quan sát liên quan đạt yêu cầu về giá trị, thỏa mãn KMO và Sig. ( $0,5 \leq KMO \leq 1$  và  $Sig < 0,05$ ).

### 2.2.4. Xử lý số liệu thống kê

Giá trị của mỗi biến quan sát được gán ở các mức độ tương ứng là 1, 2, 3, 4 và 5 (min = 1,0, max = 5,0). Giá trị khoảng cách được tính theo công thức: (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,80. Giá trị trung bình ( $\bar{X}$ ) với các mức: Kém/Không tác động:  $1,00 \leq \bar{X} \leq 1,80$ ; Yếu/ Ít tác động:  $1,80 < \bar{X} \leq 2,60$ ; Trung bình/ Tác động bình thường:  $2,60 < \bar{X} \leq 3,40$ ; Khá/Tác động khá mạnh:  $3,40 < \bar{X} \leq 4,20$ ; Tốt/Tác động mạnh:  $4,20 < \bar{X} \leq 5,00$ .

Thống kê mô tả (Descriptives) được sử dụng để xác định giá trị trung bình, độ lệch chuẩn của mỗi biến quan sát. Dựa trên phân tích mô tả để tổng hợp giá trị trung bình cho mỗi câu hỏi phân theo từng đối tượng.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 2.3.1. Thực trạng hoạt động đầu vào của các trường TCPH ĐNB

Phân tích từng yếu tố của hoạt động đầu vào trong đào tạo TNS ở các trường TCPH

ĐNB cho thấy có sự không tương đồng giữa các hoạt động hỗ trợ và chuẩn bị cho quá trình đào tạo TNS. Việc phân tích – tổng hợp các hoạt động đầu vào này cho biết những thành tựu và hạn chế trong đào tạo TNS xét ở phương diện đầu vào của các trường TCPH ĐNB.

**Bảng 1.** Kết quả hoạt động đầu vào trong đào tạo của các trường TCPH ĐNB

| Các hoạt động đầu vào                        | N   | $\bar{X}$ | Độ lệch chuẩn | Đối tượng ( $\bar{X}$ ) |            |      |      |
|----------------------------------------------|-----|-----------|---------------|-------------------------|------------|------|------|
|                                              |     |           |               | CBQL                    | Quản chúng | GS   | TNS  |
| Xây dựng, hoàn thiện CSVC hạ tầng            | 513 | 3,00      | ,392          | 3,25                    | 2,94       | 2,88 | 3,04 |
| Xây dựng, hoàn thiện cơ sở thượng tầng       | 513 | 3,41      | ,423          | 3,79                    | 3,48       | 3,48 | 3,35 |
| Công tác tuyển sinh                          | 513 | 2,79      | ,508          | 3,74                    | 2,71       | 2,83 | 2,73 |
| Xây dựng và phát triển chất lượng đội ngũ GS | 513 | 2,73      | ,525          | 2,78                    | 2,57       | 3,01 | 2,62 |

Theo Bảng 1, trong 04 hoạt động thực hiện đầu vào có một hoạt động diễn ra thường xuyên, đó là hoạt động xây dựng, hoàn thiện cơ sở thượng tầng có giá trị trung bình nằm ở mức “khá” ( $\bar{X} = 3,41$ ). Điều này cho thấy, các trường TCPH đã thường xuyên chuẩn bị kế hoạch, chương trình đào tạo, sách vở tài liệu cho đào tạo TNS. Đây là thế mạnh của các trường TCPH ĐNB và thế mạnh này đã có những tác động nhất định đối với nâng cao chất lượng đào tạo TNS ở các trường này. Quan điểm về các hoạt động này của các đối tượng đánh giá có sự cách biệt. Đối với việc xây dựng, hoàn thiện CSVC hạ tầng, CBQL đánh giá ở mức độ “trung bình” ( $\bar{X} = 3,0$ ), trong đó quản chúng, GS và TNS đánh giá lần lượt với ĐTB ( $\bar{X} = 2,94$ ,  $\bar{X} = 2,88$  và  $\bar{X} = 3,04$ ).

Những nội dung hoạt động còn lại có giá trị trung bình nằm trong mức “trung bình” (từ  $\bar{X} = 2,73$  đến  $\bar{X} = 2,79$ ). Trong các hoạt động này, có hoạt động về công tác tuyển sinh có sự đánh giá chênh lệch, trong khi CBQL đánh giá có giá trị trung bình ở mức “khá” ( $\bar{X} = 3,74$ ) thì các đối tượng khác đều đánh giá ở mức “trung bình”. Như vậy, đối với CBQL, công tác tuyển sinh được thực hiện thường xuyên nhưng bằng những cách khác nhau, có lẽ công tác tuyển sinh được xem là chức năng và nhiệm vụ của CBQL.

Kết quả thống kê phân theo đối tượng, có thể nhận ra sự vượt trội của 02 hoạt động thực hiện đầu vào là: xây dựng và hoàn thiện cơ sở thượng tầng, công tác tuyển sinh được đối tượng CBQL đánh giá cao. Đây là những nhiệm vụ mà CBQL các trường TCPH trực tiếp chỉ đạo thực hiện nên được đánh giá là “khá”; trong khi sự đánh giá các hoạt động của các đối tượng khác tập trung vào 02 hoạt động sau: công tác tuyển sinh, phát triển đội ngũ GS. Sự phản ánh của các đối tượng chiếm số lượng đông đảo này cho thấy các hoạt động này chưa trở nên phổ biến trong trường TCPH, có thể nó ít xảy ra hoặc xảy ra nhưng khó nhận biết, không công khai, phổ biến.

### 2.3.2. Thực trạng hoạt động quá trình của các trường TCPH ĐNB

Việc thực hiện quá trình đào tạo của các trường TCPH ĐNB chủ yếu tập trung vào đội ngũ GS theo quan điểm chất lượng nhà giáo quyết định chất lượng GD. Trong 04 hoạt động thực hiện quá trình đào tạo TNS, có 03 hoạt động có giá trị trung bình nằm ở mức “trung bình”, đó là các hoạt động về phân công chuyên môn ( $\bar{X} = 2,63$ ), sự vận dụng các phương pháp dạy học ( $\bar{X} = 2,75$ ), nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho GS ( $\bar{X} = 2,62$ ). Chỉ có hoạt động xây dựng và hoàn thiện môi trường học đường có giá trị trung bình nằm ở mức “khá” ( $\bar{X} = 3,68$ ). Đánh giá về việc phân công chuyên môn, đối tượng CBQL và GS đánh giá cao hơn đối tượng quản chúng và TNS. Điều này cho thấy việc phân công chuyên môn liên quan trực tiếp đến CBQL và GS, mặc dù ở mức độ “trung bình” nhưng vẫn được thực hiện, có thể là đầu mỗi khóa học; trong khi quản chúng và TNS khó nhận ra điều này. Trong khi đó, việc vận dụng các phương pháp dạy học của các GS được đối tượng TNS đánh giá cao hơn các đối tượng kia, mặc dù ở mức độ thấp “trung bình”. Điều này cho thấy việc giảng dạy của các GS, mặc dù chưa thực sự đổi mới phương pháp nhưng đã có những tác động nhất định đến TNS. Những hoạt động khác, việc đánh giá của các đối tượng không có sự chênh lệch lớn để thay đổi mức độ từ khung này sang khung khác.

**Bảng 2. Kết quả hoạt động quá trình trong đào tạo của các trường TCPH ĐNB**

| Các hoạt động quá trình                  | $\bar{X}$ | Độ lệch chuẩn | Đối tượng ( $\bar{X}$ ) |            |      |      |
|------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------|------------|------|------|
|                                          |           |               | CBQL                    | Quản chúng | GS   | TNS  |
| Phân công chuyên môn phù hợp             | 2,63      | ,508          | 2,99                    | 2,47       | 2,71 | 2,59 |
| Sự vận dụng các phương pháp dạy học      | 2,75      | ,471          | 2,36                    | 2,24       | 2,57 | 2,90 |
| Nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho GS    | 2,62      | ,443          | 2,57                    | 2,75       | 2,60 | 2,63 |
| Xây dựng và hoàn thiện văn hóa học đường | 3,68      | ,414          | 3,94                    | 3,70       | 3,68 | 3,67 |

Theo số liệu thống kê ở Bảng 2, có thể đưa ra kết luận như sau:

- Mặt mạnh của thực hiện quá trình đào tạo TNS là việc xây dựng môi trường học đường đảm bảo để phát huy tính tích cực của cả GS và TNS. Thành tựu này chính là nhờ sự kết hợp và huy động được sức mạnh của các đối tượng, từ CBQL, quản chúng cho đến GS và TNS, tất cả đều đồng thuận để xây dựng một môi trường văn hóa học đường tích cực. Đây cũng là một trong những vấn đề đặt ra đối với đổi mới GD&ĐT, đáp ứng mục tiêu phát triển trong giai đoạn hiện nay.
- Mặt hạn chế của thực hiện quá trình đào tạo TNS thể hiện ở 3 nội dung: Việc phân công chuyên môn một cách khoa học, việc vận dụng các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của TNS, việc kiểm soát và thúc đẩy nghiệp vụ chuyên môn của GS. Thực tế, 03 hoạt động này mang ý nghĩa thúc đẩy, tức là tác động vào đội ngũ GS để thúc đẩy chất lượng đào tạo. Nguyên nhân của những hạn chế này thể hiện qua kết quả thống kê, đó là thiếu sự phối hợp giữa CBQL với quản chúng, GS và TNS. Đây là vấn đề đặt ra cho giải pháp QL đào tạo trong các trường TCPH hiện nay.

### 2.3.3. Thực trạng hoạt động đầu ra của các trường TCPH ĐNB

Thực trạng thực hiện đầu ra được đánh giá qua 05 hoạt động theo trình tự: Xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra, thực hiện đánh giá đầu ra, tổ chức nghi lễ cho đầu ra, thu thập thông tin sản phẩm đầu ra. Trong 05 hoạt động này, có 02 hoạt động có giá trị trung bình nằm ở khung “yếu” liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của TNS, 02 hoạt động có giá trị trung bình nằm ở mức “trung bình” liên quan đến đánh giá kỹ năng Phật sự và thu nhận thông tin phản hồi. Duy chỉ có 01 hoạt động có giá trị trung bình nằm ở mức “khá” ( $\bar{X} = 3,75$ ), đó là tổ chức nghi lễ tốt nghiệp và khen thưởng TNS cuối mỗi khóa. Trong này có 02 hoạt động có sự chênh lệch khung đánh giá, đó là việc xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo, đối tượng quản chúng đánh giá ở mức “trung bình” ( $\bar{X} = 2,62$ ) và 03 đối tượng còn lại đánh giá ở mức “yếu”; đồng thời, ở nội dung đánh giá kết quả học tập của TNS, đối tượng TNS đánh giá ở mức “trung bình” ( $\bar{X} = 2,64$ ) trong khi 03 đối tượng còn lại đánh giá ở mức “yếu”. Điều này cho thấy vấn đề đánh giá kết quả học tập của TNS thiếu sự đồng nhất, đồng nghĩa với việc nhận thức về đánh giá đối với kết quả đào tạo chưa rõ ràng, cụ thể.

**Bảng 3. Kết quả hoạt động đầu ra trong đào tạo của các trường TCPH ĐNB**

| Các hoạt động đầu ra                            | N   | $\bar{X}$ | Độ lệch chuẩn | Đối tượng ( $\bar{X}$ ) |            |      |      |
|-------------------------------------------------|-----|-----------|---------------|-------------------------|------------|------|------|
|                                                 |     |           |               | CBQL                    | Quản chúng | GS   | TNS  |
| Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo  | 513 | 2,54      | ,431          | 2,42                    | 2,62       | 2,54 | 2,54 |
| Đánh giá kết quả học tập của TNS                | 513 | 2,55      | ,509          | 2,17                    | 2,40       | 2,40 | 2,64 |
| Đánh giá kỹ năng Phật sự của TNS                | 513 | 2,88      | ,445          | 2,96                    | 2,74       | 2,90 | 2,88 |
| Công bố kết quả đào tạo, phát bằng, khen thưởng | 513 | 3,75      | ,381          | 3,99                    | 3,59       | 3,78 | 3,74 |
| Thu thập thông tin phản hồi về kết quả đào tạo  | 513 | 2,78      | ,516          | 2,87                    | 2,64       | 2,78 | 2,79 |

Theo kết quả thống kê ở Bảng 3, có thể nhận ra được mặt mạnh và mặt hạn chế của các hoạt động thực hiện đầu ra của các trường TCPH. Mặt mạnh của việc thực hiện đầu ra là việc tổ chức nghi lễ cho TNS tốt nghiệp một cách trang trọng, đầy đủ nghi thức ( $\bar{X} = 3,75$ ). Mặt hạn chế của việc thực hiện đầu ra thể hiện ở sự đánh giá kết quả đào tạo và thu nhận thông tin phản hồi ( $\bar{X} = 2,78$ ). Điều này đặt ra cho các trường TCPH ở ĐNB không nên chỉ tập trung vào dạy học mà còn phải chú trọng vào chất lượng và hiệu quả; trong đó, khâu đánh giá và phản hồi thông tin là yếu tố quan trọng trong vấn đề chất lượng đối với trường TCPH.

### 2.3.4. Nhận thức sự tác động của bối cảnh đến đào tạo của các trường TCPH ĐNB

Việc khảo sát nhận thức của các đối tượng về sự tác động của bối cảnh đối với đào tạo TNS ở các trường TCPH ĐNB cũng là để đánh giá về sự tác động của các yếu tố bối cảnh trong quá trình đào tạo.

**Bảng 4. Kết quả nhận thức về sự tác động của bối cảnh đến đào tạo ở các trường TCPH ĐNB**

| Sự tác động của bối cảnh đến đào tạo                          | N   | $\bar{X}$ | Độ lệch chuẩn | Đối tượng ( $\bar{X}$ ) |            |      |      |
|---------------------------------------------------------------|-----|-----------|---------------|-------------------------|------------|------|------|
|                                                               |     |           |               | CBQL                    | Quản chúng | GS   | TNS  |
| Toàn cầu hóa tri thức Phật học                                | 513 | 3,99      | ,749          | 4,67                    | 4,37       | 3,86 | 3,98 |
| Thế chế, chính sách của Nhà nước và Giáo hội về đào tạo TNS   | 513 | 3,65      | ,823          | 3,67                    | 3,60       | 3,54 | 3,70 |
| Tác động của khoa học và công nghệ                            | 513 | 3,28      | ,612          | 3,44                    | 2,97       | 3,27 | 3,31 |
| Tác động của kinh tế thị trường                               | 513 | 3,69      | ,781          | 3,67                    | 3,93       | 3,70 | 3,66 |
| Sự gia tăng nhu cầu văn hóa và đời sống tâm linh của nhân dân | 513 | 4,53      | ,500          | 4,50                    | 4,63       | 4,51 | 4,52 |

Kết quả khảo sát cho thấy việc đào tạo TNS ở các trường TCPH luôn chịu sự tác động của bối cảnh, những yếu tố bên ngoài có khả năng chi phối đào tạo. Theo Bảng 4, các biến quan sát đều cho giá trị từ “tác động bình thường” (01 biến) đến “tác động khá mạnh” (03 biến) đến “tác động mạnh” (01 biến). Ở bối cảnh có nội dung “toàn cầu hóa tri thức Phật học”, các đối tượng CBQL và quản chúng đánh giá ở mức “tác động mạnh”, còn đối tượng GS và TNS đánh giá thấp hơn một mức là “tác động khá mạnh”. Trong các nội dung của bối cảnh, nội dung “sự gia tăng nhu cầu văn hóa và đời sống tâm linh của nhân dân” được tất cả các đối tượng nhận thức là “tác động rất mạnh” ( $\bar{X} = 3,69$ ), bởi nó tác động đến đào tạo TNS, từ đầu vào, cho đến quá trình và sau đó là đầu ra. Sự nhận thức về yếu tố tác động này cao hơn cả cũng có lí do của nó. Qua tìm hiểu, đối tượng CBQL cho rằng, sự gia tăng các cơ sở PG như chùa chiền, tịnh, thất hiện nay cho thấy văn hóa PG đã ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân và cũng làm gia tăng nhu cầu đào tạo Phật học của tu sĩ và cư sĩ. Còn ý kiến của các GS tập trung vào vấn đề chất lượng, khi có nhiều Phật tử thì cũng tạo ra sự quan tâm hơn đến phẩm hạnh của các chư tăng, mà các chư tăng này là cựu TNS của trường TCPH. Một điều dễ nhận thấy hiện nay là nghi lễ PG được nhân dân vận dụng vào cả trong sinh hoạt văn hóa và các hoạt động mang tính phong tục, tín ngưỡng. Vì thế, TNS khi ra trường không chỉ làm tròn bổn phận của chư tăng mà còn giữ gìn, tạo uy tín và niềm tin đối với nhân dân về đạo Phật. Việc đào tạo của trường Phật học cũng để chuẩn bị hành trang cho TNS làm tròn bổn phận Phật sự sau khi ra trường.

### 3. Kết luận

Trường TCPH nằm trong hệ thống GD của PG. Trong những năm gần đây, hệ thống các trường TCPH ngày càng mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu học tập và tu luyện của tăng ni và cư sĩ. Trong hoạt động đào tạo, các trường TCPH ở ĐNB có những thế mạnh riêng như việc xây dựng môi trường văn hóa học đường tích cực, việc tổ chức lễ tốt nghiệp kết hợp với lễ khai giảng khóa mới được thực hiện trang trọng và tôn nghiêm. Tuy nhiên, về mặt hoạt động đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng, các trường TCPH ở ĐNB còn nhiều hạn

chế và bất cập. Cũng như các trường TCPH khác trong cả nước, các trường TCPH ĐNB còn có những khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại. Đội ngũ giáo thọ thiếu hụt các GS có tuổi đời, tuổi nghề, thâm niên kinh nghiệm đào tạo khiến các trường TCPH gặp nhiều khó khăn trong công tác xây dựng và triển khai các nội dung đào tạo. Chương trình đào tạo ở các trường TCPH chưa đồng bộ, còn nặng tính từ chương, phương pháp giảng dạy chưa đáp ứng tiêu chí GD, nguồn học viên thiếu ổn định, quy chuẩn tuyển sinh chưa thống nhất... (Phạm, 2022). Những khó khăn này đã có những ảnh hưởng nhất định đến chất lượng đào tạo TNS của các trường TCPH. Sự nhận diện về thực trạng đào tạo ở các trường TCPH ĐNB trên đây không chỉ là bức tranh hiện thực về GD PG trình độ trung cấp mà còn là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp QL đào tạo đáp ứng yêu cầu của Giáo hội về đào tạo TNS trong bối cảnh hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cuyvers, G. (2002). *Kwaliteitsontwikkeling in het onderwijs (Quality development in education)*. Apeldoorn: Garant.
- Likert, R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of Psychology*, 22(140), 1-55.
- Phạm, V. D. (2022). Thực trạng phát triển đội ngũ GS ở các trường Trung cấp Phật học hiện nay theo hướng chuẩn hóa [The Current State of the Development of Monastic Teaching Staff at Buddhist Intermediate Schools in the Direction of Standardization]. *Vietnam Journal of Education*, 7(22), 36-41.
- Scheerens, J. (2015). School Effectiveness Research. *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences*, 21, 80-85. <http://doi.org/10.1016/B978-0-08-097086-8.92080-4>
- Thích Minh Nhan (2023). Giáo dục trung cấp Phật học hiện nay – Một số vấn đề và giải pháp [Contemporary Buddhist Intermediate Education: Key Issues and Proposed Solutions]. <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/21898>
- Thích Tri Nhu (2021). Giáo dục và đào tạo tăng ni sinh hệ trung cấp Phật học: Thách thức và Giải pháp. Cổng Thông tin điện tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam [Intermediate-Level Education and Training for Buddhist Monks and Nuns: Challenges and Solutions]. Buddhist information portal of Vietnam Buddhist Sangha]. <https://phatgiao.org.vn/giao-duc-va-dao-tao-tang-ni-sinh-he-trung-cap-phat-hoc-thach-thuc-va-giai-phap-d43917.html>
- Vu Giang (2022). Bình Phước: Ra mắt Ban Giáo dục Phật giáo tỉnh và hội thảo chuyên đề về giáo dục [Bình Phước: Launch of the Provincial Buddhist Education Committee and Organization of a Seminar on Buddhist Education]. <https://giacngo.vn/binh-phuoc-ra-mat-ban-giao-duc-phat-giao-tinh-va-hoi-thao-chuyen-de-ve-giao-duc-post64494.html>

**APPROACHING THE CIPO MODEL TO EVALUATE THE CURRENT STATE  
OF TRAINING AT THE BUDDHIST INTERMEDIATE SCHOOLS  
IN THE SOUTHEAST REGION**

***Khuat Huu Anh Tuyen<sup>1\*</sup>, Nguyen Sy Thu<sup>2</sup>***

*<sup>1</sup>Dong Nai Province Buddhist Church, Vietnam*

*<sup>2</sup>Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*\*Corresponding author: Nguyen Sy Thu – Email: nsthu58@gmail.com*

*Received: September 30, 2024; Revised: October 28, 2024; Accepted: November 13, 2024*

**ABSTRACT**

*The Southeast of Vietnam is home to many Buddhist training establishments, most of which are the Buddhist Intermediate School. The quality of training at the Buddhist Intermediate Schools in the Southeast needs to be surveyed and evaluated to serve as a practical basis for proposing training management measures at these schools. The article approaches the CIPO model to evaluate the training status of the Buddhist Intermediate School in the Southeast according to the following factors: input activities, training process activities, output activities, and awareness of the contextual impact. The results provide a comprehensive view of the characteristics and quality of training at the Buddhist Intermediate School for further researches.*

**Keywords:** Buddhist Intermediate School; CIPO model; Southeast Buddhism; training status